

Số phiếu: 04718/2025/PKQ-THH (25.5196)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH KHO VẬN MEKONG
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH KHO VẬN MEKONG
- Địa chỉ lấy mẫu : Số 5, đường 16A, KCN Biên Hòa 2, Phường Trăn Biên, Tỉnh Đồng Nai
- Ngày lấy mẫu : 18/10/2025
- Thời gian thử nghiệm : 20/10/2025 - 27/10/2025
- Ngày trả kết quả : 28/10/2025
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	251020.KK.022	Khu vực đầu kho (X = 1208155, Y = 403696)	Không khí xung quanh
2	251020.KK.023	Khu vực giữa kho (X = 1208146, Y = 403686)	Không khí xung quanh
3	251020.KK.024	Khu vực cuối kho (X = 1208189, Y = 403812)	Không khí xung quanh
4	251020.NT.009	Hố ga cuối (X = 1208067, Y = 403651)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN



Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04718/2025/PKQ-THH (25.5196)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251020.KK.022)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018.	55,4	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2022/BTNMT	31,2	-
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2022/BTNMT	68,9	-
4	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2022/BTNMT.	0,7	-
5	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2022/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
6	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	212	300
7	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	62	200
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	67	350
9	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	6.108	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 251020.KK.022: Khu vực đầu kho (X = 1208155, Y = 403696)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04718/2025/PKQ-THH (25.5196)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251020.KK.023)



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018.	54,7	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2022/BTNMT	31,5	-
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2022/BTNMT	69,2	-
4	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2022/BTNMT.	0,5	-
5	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2022/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
6	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	212	300
7	Nitơ đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	54	200
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	64	350
9	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.266	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 251020.KK.023: Khu vực giữa kho (X = 1208146, Y = 403686)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04718/2025/PKQ-THH (25.5196)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251020.KK.024)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 05:2023/BTNMT
					Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn ^(a,b)	dBA	TCVN 7878-2:2018.	61,8	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ ^(b)	°C	QCVN 46-2022/BTNMT	30,7	-
3	Độ ẩm ^(b)	%	QCVN 46-2022/BTNMT	68,6	-
4	Tốc độ gió ^(b)	m/s	QCVN 46-2022/BTNMT.	0,8	-
5	Ánh sáng	Lux	QCVN 46-2022/BTNMT	Ánh sáng tự nhiên	-
6	Bụi tổng số (TSP) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995.	206	300
7	Nito đioxit (NO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	64	200
8	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂) ^(b)	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995.	77	350
9	Cacbon monoxit (CO) ^(b)	µg/Nm ³	QT-PTKCO-29.	3.358	30.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- 251020.KK.024: Khu vực cuối kho (X = 1208189, Y = 403812)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 04718/2025/PKQ-THH (25.5196)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 251020.NT.009)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN ĐÁU NỔI KCN BIÊN HÒA II
					Giới hạn tiếp nhận nước thải
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,15	5 ÷ 10
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-2:2008	18	500
3	COD ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	41	800
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000.	33	300
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6179-1:1996.	0,240	20
6	Tổng Nito ^(a,b)	mg/L	TCVN 6638:2000.	5,68	40
7	Tổng Photpho ^(a,b)	mg/L	TCVN 6202:2008.	0,72	12
8	Coliform. ^(a,b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,4 x 10 ³	5.000

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- GIỚI HẠN ĐÁU NỔI KCN BIÊN HÒA II: Tiêu chuẩn xả thải vào hệ thống xử lý tập trung khu công nghiệp

- 251020.NT.009: Hồ ga cuối (X = 1208067, Y = 403651)

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

